

DĀKINĪ

Soạn dịch: HUYỀN THANH

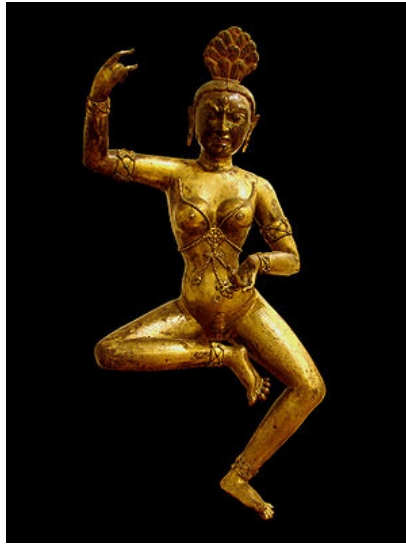
Đồ Cát Ni, tên Phạn là **Dākinī**, dịch âm là Noa Cát Ninh, Noa Cát Ni, Noa Chỉ Nễ, Đồ Kỳ Ni, Đồ Chỉ Ni, Trà Cát Nễ, Đà Kỳ Ni, Tra Chỉ Ni... tên Tây Tạng là **Mkhaḥ-ḥgrōma** hay **Khandroma**, dịch ý là Không Hành Mẫu, là Phật Mẫu hoặc Minh Phi của Tạng Truyền Phật Giáo

Tùy theo truyền thống Tôn Giáo và văn học cụ thể mà Dākinī được ghi nhận là: loài quỷ Dạ Xoa, các linh hồn có nữ tính, phù thủy, tôi tớ của Kāli hoặc các vị Thần hỗ trợ trong việc phát triển tâm linh

Theo Ấn Độ Giáo, thuật ngữ Dākinī thường mang các ý nghĩa tiêu cực, mặc dù trong Mật Tông của Ấn Độ Giáo thì Dākinī là những người bảo vệ những bí ẩn sâu sắc hơn về bản thân, thông qua đó những bí mật của biến đổi nội tâm được tiết lộ.

)Trong tranh ảnh của dân gian Ấn Độ thì Dākinī là một con quỷ cái đang tiến hóa trong Thế Giới Thần Thánh và là hàng ca múa phục vụ cho Nữ Thần **Kāli** trong các nghi lễ và ma thuật, được thực hiện tại nơi hỏa táng hay nghĩa trang. Khi ấy Kāli thường được hiển thị qua nghệ thuật với một con cạp còn Dākinī thường được mô tả qua hình ảnh con chó rừng (cũng như chim Carrion) vì thói quen ma quái của họ ám ảnh những bữa ăn ở nơi hoang vắng





Một truyền thuyết cho rằng **Dākinī** và **Śākinī** là vợ của **Tripurasura**. Sau khi Tripurasura bị Śiva giết thì họ được Śiva cho phép cư ngụ trong khu rừng mà không phải sợ bất kỳ sự đe dọa nào và mọi người phải xưng tụng tên của họ trước khi ghé thăm các đền thờ của **Bhima-śaṅkara**, vì thế các khu rừng xung quanh đền có tên gọi là **rừng Dākinī**

.)Trong Ấn Độ Giáo, những người tìm kiếm sự thành tựu của quyền lực thường phải đối mặt với những thách thức từ Dākinī, Śākinī với số phụ nữ phần nộ hoặc bán phần nộ khác như **Kākinī, Kāminī**.... Hành Giả phải đánh bại hoặc vượt qua họ thì mới được sự thành tựu (siddhi) và trở thành một vị Đại Thành Tựu có quyền năng kiểm soát các yếu tố thiên nhiên. Có rất nhiều câu Chú và sotra trong Thánh Kinh của Ấn Độ Giáo được tin là đánh bại và tự bảo vệ mình trước Dākinī, Śākinī và những người khác. Vị Thần được tôn thờ nhằm giúp cho Hành Giả vượt thoát hoặc chiến thắng ma quỷ như **Bhūta, Preta, Piśāca, Vetala, Brahama-rākṣasa** và các năng lực tiêu cực mạnh mẽ khác như Dākinī, Śākinī, Kākinī, Kāminī... là Thần Hầu **Hanuman**.

Trong ý nghĩa sâu xa thì Dākinī, Śākinī, Kākinī, Kāminī được xem là các năng lực Śakti có quyền hạn kiểm soát các **Luân xa** (cakra) khác nhau. Như vậy Dākinī là những người bảo vệ những sự bí ẩn sâu sắc của bản thân và thông qua họ thì những bí mật biến đổi nội tâm mới được khai mở. Khi một người có thể đánh thức được **Kuṇḍalini** (biểu thị cho năng lực sáng tạo ra vũ trụ cư ngụ ở đốt xương sống cuối cùng) và di chuyển nó đến luân xa **Sahasrara-cakra** ở đỉnh của sọ não thì mới trở thành một Yogi thực thụ

Khi Hành Giả thực hành Mật Pháp quan hệ tình dục theo Tantra của Ấn Độ Giáo thì có thể cần đến sự trợ giúp của Dākinī là một phụ nữ được đào tạo trong Yoga của Mật Thừa, hoặc thậm chí là một Dākinī thật thể.

Dākinī là một vị Thần Kỳ rất được sùng bái trong Mật Giáo Tả Đạo Phái của Ấn Độ cụ thể là Pháp thực hành “**Ngũ MA tự du già hạnh**” (Pañca-śakti) tức là: ăn **thịt** (Māṃṣa), ăn **cá** (Matsya), uống **ruợu** (Madya), kết **Thủ Ấn** (Mudrā), **giao hợp** (Maithuna) xong sẽ được đến sự vui thích

.)Tại Bengal và một số địa phương khác ở Ấn Độ thì Dākinī được xem như là một nữ phù thủy

_Tại Nhật Bản, trong những năm đầu của Thế Kỷ thứ 9, thông qua Đại Sư **Không Hải** (Kukai) thì Dākinī được xuất hiện qua các hình tượng Dākinī của Ấn Độ

Giáo. Đến thời đại Heian thì Dākiṇī được pha trộn với hình ảnh của con cáo và phụ nữ lửa thể nửa thân trên và được gọi là **Dakini-ten** (Trà Cát Ni Thiên: Dākiṇī-deva), **Shinkoō-bosarsu** (Thần Hồ Vương Bò Tát), **Kiko-Tenno** (Quý Hồ Thiên Vương)...là vị Thần có liên quan đến **Inari** và **Daikoku-ten** (Mahā-kāla: Đại Hắc Thiên).



茶吉尼天

Trong thời Trung cổ, Hoàng đế của Nhật Bản sẽ hát trước một hình ảnh của con cáo Dakini-ten trong buổi lễ đăng quang của mình

Mặc dù Dakini-ten được cho là một vị thần Phật giáo mạnh mẽ, nhưng những hình ảnh và các câu chuyện xung quanh nó ở Nhật Bản lại được rút ra từ thần thoại Kitsune của địa phương. Nổi tiếng nhất trong số này có lẽ là câu chuyện của Abe Không Seimei, của Onmyoji (phù thủy, nhà chiêm tinh, trừ quỷ), người được cho là con trai của một con cáo trắng đầu tiên kết hôn với một người đàn ông đã cứu cô từ các thợ săn.



Nghi thức *Dākini* được phân cấp vào các phép thuật khác nhau được gọi *Dakini-ten*, *Izuna*, và *Akiba*. Những người cảm thấy sự sai trái trong làng của họ thì có thể đi đến một *Yamabushi* tìm người thực hành ma thuật đen, và anh ta phải bẫy được một *Kitsune* (con cáo) để làm vật trung gian nhằm giúp cho anh ta giải quyết được công việc của mình.



Người dân Nhật Bản còn thờ phượng *Dakini-ten* như là vị Thần giám hộ, bảo vệ hoặc thậm chí là vị cứu tinh của những cánh đồng lúa. Ngoài ra còn dựng lập các cáo giám hộ *Dakini-Inari* là vị Thần canh giữ cửa ngõ, hoặc chăm sóc thôn làng, hoặc bảo vệ các kho lúa gạo, tài sản, đền đài miếu mạo...





_Trong Tạng Truyền Phật Giáo thì **Dākiṇī** được gọi là **Không Hành Nữ** (Mkhaḥ-ḡrōma hay Khandroma) biểu thị cho sự chuyển động của năng lượng trong không gian, là một vị Nữ Thần của Mật Thừa được mô tả như một hiện thân của năng lượng Giác Ngộ tương tự như một nữ tính. Trong mỗi hình thức khác nhau thì **Dākiṇī** có thể là một vị **Hộ Pháp** (Dharma-pāla) có sức mạnh đặc biệt và trách nhiệm bảo vệ sự toàn vẹn của khẩu truyền, một **Đạo Sư** (Guru) truyền giáo **Kim Cương Thừa** (Vajra-yāna) cho các môn đệ của mình và cùng họ cam kết **Samaya** (Bản Thệ). Trí tuệ **Dākiṇī** có thể là một vị **Thần Thiên Định** (Bản Tôn), một nữ thần Yoga như Vajra-yoginī.

.)Theo ngôn ngữ bí truyền của Tạng Mật thì **Dākiṇī** được chia ra làm bốn dạng chính :

1 **Dạng thức khởi đầu**: là **Trí Tuệ Bát Nhã** (Prajña) của **Dākiṇī**, tức là thấu đạt sự trống rỗng hay bản chất trống rỗng của thực tế theo học thuyết của **Đại Thừa** (Mahā-yāna)

2 **Dạng thức bên trong**: là **Dākiṇī** của **Mạn Đà La** (Maṇḍala), một vị Thần Thiên Định (Yidam: Bản Tôn), một bậc giác ngộ hoàn toàn giúp cho Hành Giả nhận ra Đức Phật của riêng mình.

3 **Dạng thức bên ngoài**: là hình thức vật lý của các **Dākiṇī** đã đạt được thông qua giai đoạn thực hành Tantra như **sáu Yoga** của Naropa tương thích với cơ thể của một Hành Giả đã tương ứng với Tâm Giác Ngộ

4 **Dạng thức bên ngoài của bên ngoài**: là dạng thức con người, là một Yoginī, một **Kāma-mudra** (Ái Dục Ấn), một người phối ngẫu của một Hành Giả hoặc một Đại Thành Trụ Giả

.)Trong truyền thống khác thì **Dākiṇī** được phân loại theo **ba Thân của một Đức Phật**:

1 **Pháp Thân Dākiṇī**: tức là Phổ Hiền (Samanta-bhadrī) đại diện cho Pháp Giới (Dharma-dhātu) nơi mà tất cả các hiện tượng xuất hiện

2 **Báo Thân Dākiṇī**: là **Bản Tôn** (Yidam) được sử dụng như các vị Thần Thiên Định giúp cho Hành Giả thực hành Mật Thừa

3 **Hóa Thân Dākiṇī**: là người phụ nữ được sinh ra với tiềm năng đặc biệt, các Yoginī, vợ của các bậc Thầy, hoặc thậm chí cho đến tất cả phụ nữ và chúng được chia thành 5 **Dākiṇī** của năm Bộ là: **Buddha-dākiṇī** (**Dākiṇī** của Phật Bộ), **Vajra-dākiṇī** (**Dākiṇī** của Kim Cương Bộ), **Padma-dākiṇī** (**Dākiṇī** của Liên Hoa Bộ), **Ratna-dākiṇī** (**Dākiṇī** của Bảo Bộ), **Karma-dākiṇī** hay **Viśva-dākiṇī** (**Dākiṇī** của Nghiệp Dụng Bộ)

5 Bộ *Dākiṇī* này đều có 2 loại *Dākiṇī* là **Thế Tục Không Hành** (*Loka-dākiṇī*) và **Xuất Thế Gian Không Hành** (*Lokottara-dākiṇī*, hay *Jñāna-dākiṇī*: Trí Không Hành Mẫu)

1_ **Loka-dākiṇī** (Thế Gian Không Hành Mẫu) là những **Dākiṇī** chưa đạt được sự giác ngộ viên mãn, vẫn bị mắc kẹt trong vòng luân hồi và được tìm thấy trong hình dạng con người (*Manuṣya-dākiṇī*, tiếng Anh là *human-dakini*) và cũng như các cõi trời. Họ có thể là một hình dạng xinh đẹp hay một hình dạng **Phi Nhân** (*Amanuṣya-dākiṇī*, tiếng Anh gọi là *Inhuman-dakini*), hình dạng một **con Quỷ ăn thịt** (*Māmsāhārā-dākiṇī*, tiếng Anh gọi là *Flesh-eating-dakini*), hình dạng con Quỷ đói như **Ashen Dakini** (Anh ngữ) có thịt màu vàng, nước da tái mét và một kết cấu xốp, thường ăn tro từ lò sưởi. Một **Hành Giả nữ** đã đạt được một số hiểu biết nhưng chưa giải phóng hoàn toàn khỏi sinh tử cũng được coi là một **Loka-dākiṇī** (*Dākiṇī* thế gian)

2_ **Jñāna-dākiṇī** (Trí Không Hành Mẫu) là những **Dākiṇī** giác ngộ đạt được sự giải phóng hoàn toàn khỏi vòng luân hồi sinh tử như **Vajra-yoginī**, **Tārā** và **Samantabhadrī**.... Họ cũng được miêu tả như là bất kỳ một trong những **Bản Tôn nữ** hoặc một trong các phụ nữ của chư Phật và Bồ Tát nam.



a) **Jñāna-dākiṇī** của **Phật Bộ** (*Buddha-kulāya*), tên là **Ākāśa-dhātveśvarī**, thân màu trắng, chữ chủng tử là VAM biểu thị cho Không Đại, ở phương Trung Ương, đại diện cho **Pháp Giới Thể Tính Trí** (*Dharma-dhātu-svabhāva-jñāna*)



b) **Jñāna-dākiṇī** của **Kim Cương Bộ** (Vajra-kulāya), tên là **Locana**, thân màu xanh dương, chữ chủng tử là HA biểu thị cho Thủy Đại, ở phương Đông, đại diện cho **Đại Viên Kính Trí** (Ādarśa-jñāna)



c) **Jñāna-dākiṇī** của **Bảo Bộ** (Ratna-kulāya), tên là **Māmakī**, thân màu vàng, chữ chủng tử là RI biểu thị cho Địa Đại, ở phương Nam, đại diện cho **Bình Đẳng Tính Trí** (Samatā-jñāna)

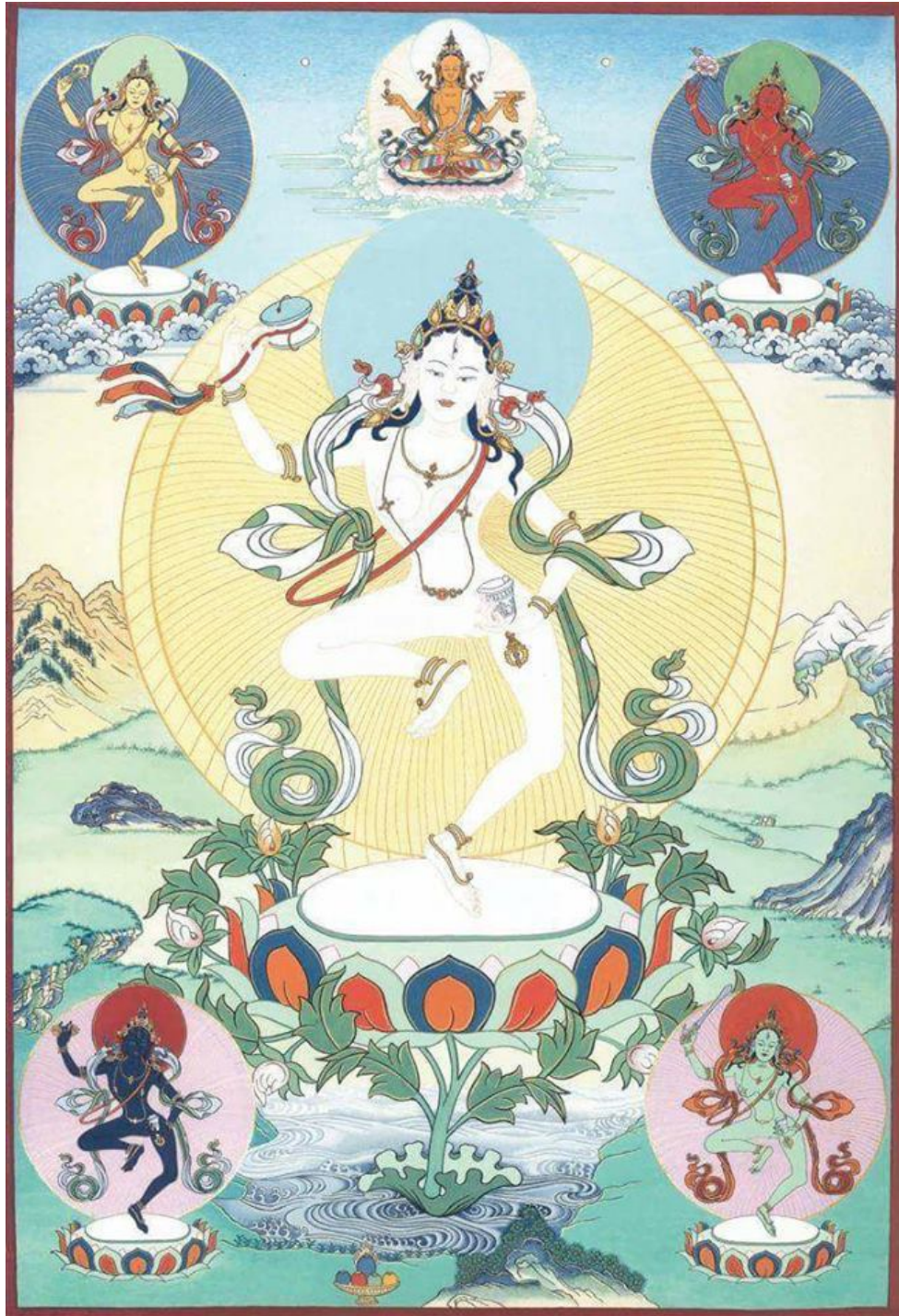


d) **Jñāna-dākiṇī** của **Liên Hoa Bộ** (Padma-kulāya), tên là **Pāṇḍara-vāsini**, thân màu đỏ, chữ chủng tử là NI biểu thị cho Hỏa Đại, ở phương Tây, đại diện cho **Diệu Quán Sát Trí** (Pratyavekṣaṇa-jñāna)



e) **Jñāna-dākinī** của **Yết Ma Bộ** (Karma-kulāya), tên là **Samaya-tārā**, thân màu xanh lục, chữ chủng tử là SA biểu thị cho Phong Đại, ở phương Bắc, đại diện cho **Thành Sở Tác Trí** (Kṛtyānuṣṭhāna-jñāna)





.)Trong **Anuttarayoga Tantra**: Để được kết hợp với năng lượng trong tất cả các chức năng của mình, thì Dākinī được liên kết với sự mặc khải của Tantra Anuttarayoga, đại diện cho các con đường chuyển hóa, nhờ đó năng lượng của cảm xúc tiêu cực hoặc **phiền não** (Kleśa) được chuyển hóa thành năng lượng phát sáng của nhận thức giác ngộ, năng suất các kinh nghiệm sâu sắc nhất của ánh sáng rõ ràng.

.)Trong **Dzogchen**: thì Dākinī là giai đoạn cuối cùng của con đường tu học **Kim Cương Thừa** (Vajra-nāya). Đầu tiên là **Guru** (Đạo Sư) tương ứng với việc thực hiện

sự thật ban đầu của thật tế được trao truyền bởi các vị Thầy giúp cho Hành Giả có được những **Tantra bên trong** (Peyi-yeshe) thuộc sự trong sáng của **Tính Không** (Śūnyatā). Thứ hai là **Devatā** (Hóa Thân) tương ứng với Thiền Định, trong chừng mực các Devatā là phương pháp được sử dụng để phát triển việc thực hiện ban đầu của thật tế. Thứ ba là **Ḍākiṇī** trong chừng mực Ḍākiṇī là nguồn gốc của các hoạt động dựa trên việc thực hiện **Guru** và Thiền Định của **Devatā**

_ Trong thực tế phần lớn Ḍākiṇī thường được biểu thị dưới dạng thân người đầu thú, nhưng nhìn chung vẫn là một hình thức phần nộ và vẫn là một phần của Mật Tông Ấn Độ Giáo

Ḍākiṇī có đầu sư tử



Ḍākiṇī có đầu chim





Thần Chú thường thấy của Đākiṇī là:
OM OM OM SARVA-BIDDHA-ḌĀKIṆYE VAJRA-VAIROCAṆIYE_
HŪM HŪM HŪM PHAṬ PHAṬ PHAṬ SVĀHĀ

_ Trong pháp tu **Bạch Tài Thần** thì Thần Chú của 4 Bộ Dākiṇī được truyền dạy là:



OM_ VAJRA-YOGINĪ HŪṀ PHAṬ
OM_ RATNA-YOGINĪ HŪṀ PHAṬ
OM_ PADMA-YOGINĪ HŪṀ PHAṬ
OM_ KARMA-YOGINĪ HŪṀ PHAṬ
SARVA SIDDHI HŪṀ

_ Theo Mật Giáo Đông Độ thì Dākiṇī là loài quỷ Dạ Xoa, hoặc loài Ly My ở những nơi hoang vắng hoặc nghĩa địa có sức Thần Thông, thích ăn trái tim và máu thịt của con người

.) Trong phần chú giải **Thần Chú Thủ Lăng Nghiêm**, Ngài **Bất Không** ghi nhận Dākiṇī là loài Ly My

.) **Đại Nhật Kinh Sớ, quyển 10** ghi nhận rằng: “Đồ Cát Ni là quyến thuộc của Đại Hắc Thiên, là một loài quỷ Dạ Xoa có sức Thần Thông, hay biết được kỳ hạn chết của con người trước 6 tháng, liền chuẩn bị trước để lấy trái tim của kẻ ấy mà ăn rồi thay thế bằng vật khác, cho đến khi người ấy mệnh chung thời bắt đầu thông báo điều hư hoại”

Người tu Pháp này có thể được Thần Thông , thành tựu lớn. Đức Đại Tỳ Lô Giá Na Phật vì trừ loài này cho nên dùng Pháp Môn của Giáng Phục Tam Thế hoá làm Đại Hắc Thần để thâm nhiếp khiến chúng quy mệnh Đức Phật.

)Trong **Thai Tạng Giới Man Đa La**, tại phương Nam của **Ngoại Bộ Kim Cương Viện** thì Dākini được ghi nhận là loài quý Dạ Xoa, là quyến thuộc của Đại Hắc Thiên, có thân màu thịt đỏ, hiện hình quý đôi, tay phải cầm cái bát, tay trái để trước ngực. Hoặc tay phải cầm một đoạn chân bị chặt đứt, há miệng để ăn. Tay trái cầm cánh tay bị chặt đứt. Hoặc tay phải nâng cái bát, tay trái cầm con dao

